

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử; lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 135/TTr-STTTT ngày 27/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử và danh mục 04 thủ tục hành chính lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông.

(Có Phụ lục I ban hành kèm theo)

Điều 2. Bãi bỏ 10 thủ tục hành chính lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử; lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông.

(Có Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 3. Quy trình nội bộ giải quyết đối với thủ tục hành chính cấp tỉnh được công bố tại Điều 1 Quyết định này vẫn thực hiện theo quy trình *(số thứ tự 10, 11, 12, 13 Mục II; 01, 02 Mục IV, Phần A)* tại Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông. Bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết đối với thủ tục hành chính *(số thứ tự 14, 15 Mục II, Phần A; 05, 06 Phần B)* tại Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KSTTHC, (10b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I

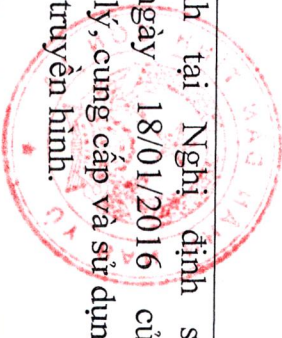
**DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14- /QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. CẤP TỈNH: Danh mục 06 thủ tục hành chính (TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ					
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Thông tin và Truyền thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La.	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Qua mạng Internet.	Không	- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp

18

						vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. 
2	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Thông tin và Truyền thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La.	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Qua mạng Internet.	Không	- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

II	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH					
1	Cấp giấy phép hoạt động in	09 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Thông tin và Truyền thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Thông tin và Truyền thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Qua mạng Internet.	Không	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

2	Cấp lại giấy phép hoạt động in	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Thông tin và Truyền thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La.	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Qua mạng Internet.	Không	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.
---	--------------------------------	--	--	--	-------	---

3	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Thông tin và Truyền thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La.	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Qua mạng Internet.	Không	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.
---	-------------------------------------	--	--	--	-------	---

4	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Thông tin và Truyền thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La.	- Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Qua mạng Internet.	Không	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.
---	--	--	--	--	-------	---

Phụ lục II

Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ
I	Cấp tỉnh
1	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
2	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
3	Cấp giấy phép hoạt động in
4	Cấp lại giấy phép hoạt động in
5	Đăng ký hoạt động cơ sở in
6	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in
7	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
8	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
II	Cấp huyện
1	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy
2	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy

18

